TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ST** **TỈNH QNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2018/QĐST-HNGĐ	*ST, ngày 15 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm thụ lý số 06/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, giữa:

- Anh Đinh Trung H; Sinh năm: 1988, là nguyên đơn;
- Chị Đinh Thị V; Sinh năm: 1988, là bị đơn;

Cùng có địa chỉ: Thôn Đăk B, xã ST, huyện ST, tỉnh QNG.

- Ngân hàng CSXH;

Địa chỉ: 169 Phố LĐ, P HL, Q. HM, Tp HN;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện ST, tỉnh QNG, theo văn bản ủy quyền số 4716 ngày 25/11/2016.

Nơi làm việc: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh QNG;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành các ngày 30/5/2018 và 08/6/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành các ngày 30/5/2018 và 08/6/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Anh Đinh Trung H; Sinh năm: 1988, là nguyên đơn;

- Chị Đinh Thị V; Sinh năm: 1988, là bị đơn;

Cùng có địa chỉ: Thôn Đăk B, xã ST, huyện ST, tỉnh QNG.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân**: Anh Đinh Trung H và chị Đinh Thị V thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Có 03 người con chung, tên các cháu: Đinh Quốc B, sinh ngày: 07/9/2009; Đinh Thị Thảo L, Đinh Thị Thảo L1 cùng sinh ngày: 09/6/2014. Khi ly hôn, Anh Đinh Trung H sẽ giao cho chị Đinh Thị V trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung, anh Đinh Trung H có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi các con chung, kể từ ngày 15/6/2018, cụ thể:

+ Cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Quốc B 300.000 đồng/tháng. Cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

+ Cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Thị Thảo L 350.000 đồng/tháng. Cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

+ Cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Thị Thảo L1 350.000 đồng/tháng. Cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- **Về tài sản chung:** không yêu cầu Tòa giải quyết.

- **Về nợ vay chung:** Vợ chồng có vay Ngân hàng CSXH tổng cộng 02 hợp đồng vay:

+ Hợp đồng vay 8.000.000 đồng *(tiền gốc)* theo chương trình 167, thời hạn trả nợ cuối cùng là năm 2022 và khoản lãi phát sinh từ hợp đồng này đến nay chưa trả là 1.784.631 đồng. Anh H và Chị V thỏa thuận: chị V sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thông qua PGD Ngân hàng huyện ST khoản tiền lãi 1.784.631 đồng. Sau khi trả đủ khoản tiền lãi 1.784.631 đồng, chị V còn có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thông qua PGD Ngân hàng chính sách huyện ST số tiền gốc 8.000.000 đồng khi hợp đồng này đến hạn trả nợ cuối cùng (*năm 2022*) và hàng tháng trả lãi phát sinh từ món vay này.

+ Hợp đồng vay 20.000.000 đồng (*tiền gốc*) theo chương trình hộ nghèo và khoản lãi phát sinh từ hợp đồng này là 5.241.362 đồng, tổng cộng là 25.241.362 đồng. Hợp đồng này hiện nay đã quá thời hạn trả nợ cuối cùng. Anh H và chị V thỏa thuận: chị Đinh Thị V có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng huyện ST là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*); anh H có nghĩa vụ trả khoản tiền 15. 241.362 đồng (*mười lăm triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng*) cho Ngân hàng CSXH thông qua PGD huyện ST. Nếu anh

Đinh Trung H và chị Đinh Thị V chưa thanh toán hết khoản nợ vay 20.000.000 đồng nói trên thì ngoài khoản tiền lãi 5.241.362 đồng *(năm triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng)*, thì hàng tháng anh H tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ khoản vay này cho Ngân hàng.

- **Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung**: Anh Đinh Trung H phải nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

- **Về án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm**: Anh Đinh Trung H thỏa thuận nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*).

- **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Anh Đinh Trung H và chị Đinh Thị V thỏa thuận chịu nộp, cụ thể:

+ Đối với khoản nợ vay là 25.241.362 đồng, anh H chịu nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 631.034 (*sáu trăm ba mươi một nghìn không trăm ba mươi tư*) đồng.

+ Đối với khoản tiền lãi 1.784.631 đồng (*phát sinh từ khoản nợ vay 8.000.000 đồng*) chị Đinh Thị V chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội "*Về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*" anh Đinh Trung H và chị Đinh Thị V được miễn toàn bộ tiền án phí nêu trên.

Đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện ST hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí AA/2010/02741 ngày 18/4/2018 và số tiền tạm ứng án phí hôn nhân & gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/02740 ngày 18/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ST.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND h ST (2);
- UBND xã ST (1);
- TAND tỉnh QNG (1);
- Chi cục THADS h ST (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1)

THẨM PHÁN
(đã ký, đóng đấu)

Lâm Thị Ánh Tuyết